

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-PT

Ngày: 26 - 8 - 2025

“V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Viết Hải và bà Từ Thị Hải Dương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Diễm Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Phương N - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa công khai công khai xét xử vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2025/TLPT – DS ngày 08/7/2025 về việc “tranh chấp vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS - ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2025/QĐ - PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Q, xã Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn Quốc lộ A, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình), bà H có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình), ông H1 có mặt tại phiên tòa.

***Người kháng cáo:*** Ông Nguyễn Minh H1 là bị đơn trong vụ án

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

***\* Tại Đơn khởi kiện ngày 27/3/2025, Bản tự khai và trong các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*** Vào tháng 6/2018 thông qua chị Hồ Thị L là người quen của ông Nguyễn Minh H1 bà tin tưởng đã cho ông Nguyễn Minh H1 mượn số tiền 131.000.000 đồng (một trăm ba mươi

một triệu đồng) để ông H1 đáo hạn nợ tại Ngân hàng và hai bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 04/7/2018 ông Nguyễn Minh H1 có mượn bà số tiền 131.000.000 đồng, để vay tiền ông H1 đồng ý cầm cố diện tích đất 300 m<sup>2</sup> (dài 30m x ngang 10m) thuộc quyền sử dụng của ông H1 và cam kết sẽ trả, trường hợp không trả số tiền trên thì đến ngày 25/12/2018 bà H được toàn quyền định đoạt diện tích đất nói trên. Mặc dù bà đã tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H1 có điều kiện về mặt thời gian sắp xếp trả nợ nhưng ông H1 không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc ông H1 trả nợ số tiền gốc còn lại 131.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2018 cho đến nay theo mức lãi suất 10% của Ngân hàng A Chi nhánh Q.

*\* Tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn – ông Nguyễn Minh H1 trình bày: Ông Thừa nhận có mượn tiền của bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 100.000.000 đồng, không nhận tiền mặt mà nhận qua tài khoản Ngân hàng B, sau một thời gian phía Ngân hàng ngưng giải ngân nên ông viết lại Giấy vay tiền, với tổng số tiền 131.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng và 31.000.000 đồng tiền lãi (nóng). Mặc dù không trả hết nợ một lần nhưng ông đã cố gắng trả dần, đến năm 2021 trả nợ được 54.000.000 đồng và giấy tờ cung cấp vài lần trả nợ sau. Do dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến công việc làm ăn nên không có khả năng trả nợ thêm đồng nào cho đến bây giờ, phần nợ còn lại ông cố gắng xoay sở, sắp xếp đến hết năm 2025 thì trả hết số nợ còn lại.*

*Tại bản án số: 08/2025/DS - ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị) đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.*

*Buộc ông Nguyễn Minh H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 215.270.685 đồng (trong đó tiền gốc 131.000.000 đồng, tiền lãi 84.270.685 đồng);*

*Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.*

Ngày 07/6/2025, ông H1 gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị xem xét lại khoản tiền 55,3 triệu đồng đã trả cho bà H đến năm 2021. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo;

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xem xét.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về vụ án:*

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng trừ đi 15.000.000 đồng tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi ông H1 đã trả cho bà H theo giấy trả tiền ngày 28/5/2019, số tiền còn lại buộc ông H1 trả cho bà H là 116.000.000 đồng tiền gốc và 61.658.873 đồng tiền lãi. Đương sự chịu án phí theo quy định

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của hai bên thì xác định được: ông Nguyễn Minh H1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị H với số tiền 131.000.000 đồng, giấy vay tiền viết ngày 04/7/2018 để ông H1 đáo hạn tại Ngân hàng, ông H1 còn cam kết sẽ trả đủ đồng thời ông H1 đồng ý cầm cố diện tích đất 300 m<sup>2</sup> (chiều dài 30m x chiều ngang 10 m) thuộc quyền sử dụng của ông H1, trường hợp đến ngày 25/12/2018 ông H1 không trả đủ số tiền trên thì bà H được toàn quyền quyết định.

Ông H1 cho rằng trong số tiền vay 131.000.000 đồng có 100.000.000 đồng tiền gốc và 31.000.000 đồng là tiền lãi nóng, tính đến năm 2021 ông H1 cho rằng ông đã trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 55.300.000 đồng (chưa tính lãi) thông qua bà Hồ Thị L, nhưng từ cấp sơ thẩm ông H1 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông đã chuyển tiền cho bà Hồ Thị L để trả cho bà H. Tại cấp phúc thẩm ông H1 có cung cấp các giấy nộp tiền do Ngân hàng N1 lập từ ngày 10/5/2019 đến ngày 18/6/2021 với số tiền tổng cộng là 15.300.000 đồng, ông H1 trình bày đó là các giấy tờ thể hiện việc ông H1 chuyển tiền cho bà Hồ Thị L để nhờ bà L chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị H, bà H không thừa nhận. Ông H1 không chứng minh được bà H đã nhận được số tiền đó từ bà L, nếu có việc ông H1 chuyển tiền qua tài khoản của bà L thì đó là quan hệ giao dịch giữa ông H1 với bà L, ông H1 có quyền khởi kiện đòi lại số tiền đó đối với bà L. Cũng tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 cung cấp thêm một giấy nhận tiền đề ngày 28/5/2019 do bà H viết với nội dung *“H nhận tiền gốc anh H1 trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng chẵn)”* bà H thừa nhận đó là chữ viết của bà và nội dung *“tiền lãi: đã gửi 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm ngàn) tính đến 28/5/2019”* do ông H1 viết, bà H ký phía dưới, bà H không nhớ đã nhận hay chưa, tuy nhiên tại phiên tòa bà H đồng ý đã nhận số tiền lãi trên. Vì vậy, cần phải xem xét lại số tiền gốc và tiền lãi nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, cụ thể: số tiền gốc còn lại chưa trả là 116.000.000 đồng; về tiền lãi tại phiên tòa phúc thẩm bà H đồng ý đã nhận tại ông H1 13.500.000 đồng nên chấp nhận, như vậy số tiền lãi tính trên nợ gốc từ ngày 29/5/2019 đến ngày 29/5/2025 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 10%/năm là 61.627.123 đồng buộc ông H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Minh H1, sửa Bản án sơ thẩm số 08/2025/DSST ngày 29/5/2025 buộc ông Nguyễn Minh H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 177.627.123 đồng (trong đó tiền gốc 116.000.000 đồng, tiền lãi 61.627.123 đồng).

[3] Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bị đơn ông H1 phải chịu 8.881.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (làm tròn); Do kháng cáo được chấp nhận nên ông H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh H1; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DSST, ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị);

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Nguyễn Minh H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 177.627.123 đồng (trong đó tiền gốc 116.000.000 đồng và tiền lãi 61.627.123 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí: Nguyên đơn bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại số tiền 3.275.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0004576 ngày 27/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Trị).

Bị đơn ông Nguyễn Minh H1 phải chịu nộp 8.881.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004633 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Trị), ông H1 còn phải nộp tiếp 8.581.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 4, Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 4, Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Toà Dân sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thái Sơn**